TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NINH HÒA** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Án số **79**/2018/HNGĐ-ST
Ngày 24/9/2018
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông **ĐỖ KHÁNH HÀ**
Các Hội thẩm nhân dân: Bà **BÙI THỊ TRUYỀN**
Ông **NGUYỄN CHUNG**

- Thư ký phiên tòa: Bà **NGUYỄN THỊ VÂN –** Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tham gia phiên tòa:
Ông **TRẦN THANH SƠN -** Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 283/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/8/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Đinh Thị Thu H** - sinh năm 1977
Địa chỉ: Thôn P, xã N, thị xã N, Khánh Hòa. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông **Hồ Văn B** - sinh năm 1969.
Địa chỉ: Thôn P, xã N, thị xã N, Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đinh Thị Thu H trình bày:

Bà tự nguyện chung sống với ông Hồ Văn B vào năm 1993, đến năm 2005 mới đăng ký kết hôn và Ủy ban nhân dân xã N, thị xã N cấp giấy chứng nhận kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng bà đã xảy ra nhiều năm nay, bà và ông B đã sống ly thân từ năm 2010 đến nay. Nay bà xin ly hôn với ông Hồ Văn B.

Về con chung: Bà và ông Hồ Văn B có 03 con chung là Hồ Văn T - sinh ngày 15/10/1993, Hồ Thị Thu T - sinh ngày 15/02/1996 và Hồ Thị Tuyết B - sinh ngày 18/8/2003. Từ khi vợ chồng bà ly thân cho đến nay thì cháu B sống với ông B, cuộc

sống và điều kiện học hành đang ổn định. Bên cạnh đó hoàn cảnh kinh tế của bà hiện nay đang khó khăn, không đủ điều kiện để nuôi cháu B ăn học nên bà xin giao cháu B cho ông B nuôi, bà không cấp dưỡng nuôi cháu B. Còn cháu T và T đã trưởng thành nên bà không có ý kiến.

Về tài sản chung: Bà Hiếu không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Hồ Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông B không đến Tòa, do đó, ông B không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa đã tuân theo đúng trình tự, thủ tục pháp luật tố tụng dân sự quy định trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Cuộc sống hôn nhân của bà Đinh Thị Thu H và ông Hồ Văn B đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Bà H và ông B có 03 con chung là Hồ Văn T - sinh ngày 15/10/1993, Hồ Thị Thu T - sinh ngày 15/02/1996 và Hồ Thị Tuyết B - sinh ngày 18/8/2003. Cháu T và T đã trưởng thành nên không xem xét, bà H xin giao cháu Hồ Thị Tuyết B cho ông B nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con nên căn cứ theo quy định tại Điều 58; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc giải quyết con chung. Về tài sản chung: Bà Hiếu không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thủ tục tố tụng: Bà Đinh Thị Thu H xin ly hôn ông Hồ Văn B, giao cháu Hồ Thị Tuyết B – sinh ngày 18/8/2003 cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 1 Điều 27, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Hồ Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Hồ Văn B.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đinh Thị Thu H tự nguyện chung sống với ông Hồ Văn B từ năm 1993, đến năm 2005 mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban

nhân dân xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 80, quyển số 02/2004 ngày 08/4/2005, đây là hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo lời trình bày của nguyên đơn bà H thì mâu thuẫn vợ chồng bà phát sinh từ nhiều năm nay do bất đồng quan điểm sống, từ đó cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm không còn, bà Hvà ông Báđã sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Bị đơn ông B đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, thể hiện ông Bá cũng không muốn hòa giải, hàn gắn cuộc sống gia đình với bà H.

Qua kết quả xác minh tại địa phương, mâu thuẫn vợ chồng bà H và ông B đã có từ lâu, hiện nay hai người đã không còn sống chung với nhau.

Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa bà H và ông B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đinh Thị Thu H.

[2.2] Về con chung: Bà Đinh Thị Thu H và ông Hồ Văn B có 03 con chung là Hồ Văn T - sinh ngày 15/10/1993, Hồ Thị Thu T - sinh ngày 15/02/1996 và Hồ Thị Tuyết B - sinh ngày 18/8/2003. Xét thấy, từ khi vợ chồng bà H và ông B ly thân vào năm 2010 cho đến nay thì cháu Bg sống với ông B, cuộc sống và điều kiện học hành đang ổn định, đồng thời hoàn cảnh kinh tế của bà H hiện nay đang khó khăn, không đủ điều kiện để nuôi cháu B; nguyện vọng của cháu B cũng muốn ở với ông B. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao cháu B cho ông B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục để đảm bảo tốt hơn cho cuộc sống và học tập của cháu B.

Cháu T và T đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Đinh Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trính giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: Cần thiết giao con chung Hồ Thị Tuyết B - sinh ngày 18/8/2003 cho ông B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nhằm đảm bảo tốt hơn cho cuộc sống và học tập của cháu. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Đinh Thị Thu H phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Đinh Thị Thu H. Bà Đinh Thị Thu H được ly hôn với ông Hồ Văn B.

Về con chung: Giao con chung Hồ Thị Tuyết B - sinh ngày 18/8/2003 cho ông B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với bà Đinh Thị Thu H. Bà Đinh Thị Thu H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của các con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng và người nuôi con.

Các con chung là Hồ Văn T - sinh ngày 15/10/1993 và Hồ Thị Thu T - sinh ngày 15/02/1996 đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Bà Đinh Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Đinh Thị Thu H phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) bà Hđã nộp theo biên lai số AA/2016/0003908 ngày 22/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa. Như vậy, bà H đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đỗ Khánh Hà

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- UBND xã N;
- Lưu: Án văn, Hồ sơ vụ án.